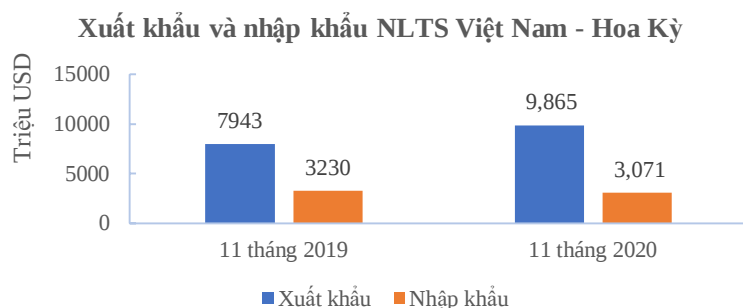


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HOA KỲ



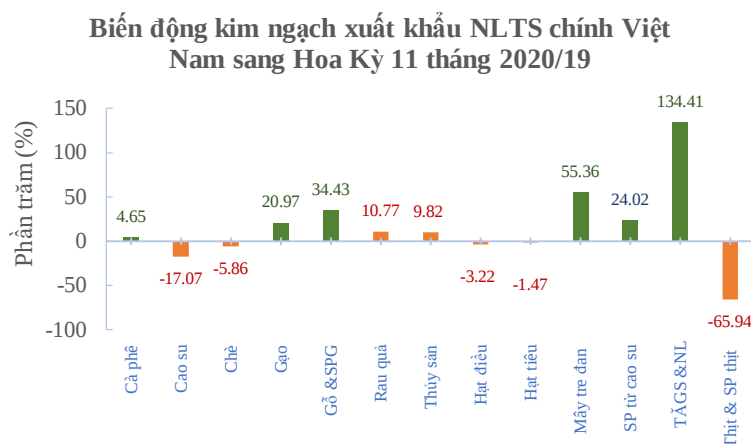
TÌNH HÌNH CHUNG



So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ

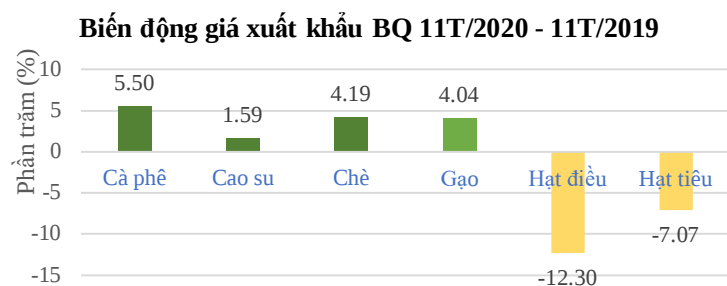
(11T/2020 – 11T/2019)

Xuất khẩu	▲ 24,19 %
Nhập khẩu	▼ 4,92 %



So sánh 11T/2020 với 11T/2019

Cà phê	▲ 4,65%
Cao su	▼ 17,07%
Chè	▼ 5,86 %
Gạo	▲ 20,97%
Gỗ và SP Gỗ	▲ 34,43%
Rau quả	▲ 10,77%
Thủy sản	▲ 9,82%
Hạt điều	▼ 3,22%
Hạt tiêu	▼ 1,47%
Mây tre đan	▲ 55,36 %
SP từ cao su	▲ 24,02 %
T&S & NL	▲ 134,41
Thịt và SP thịt	▼ 65,94 %



So sánh giá xuất khẩu 11T/2020 – 11T/2019

Cà phê	▲ 5,5%
Cao su	▲ 1,59%
Chè	▲ 4,19%
Gạo	▲ 4,04 %
Hạt điều	▼ 12,3%
Hạt tiêu	▼ 7,07 %

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Một loạt dữ liệu của Chính phủ Hoa Kỳ công bố ngày 23/12 tiếp tục cho thấy nền kinh tế hàng đầu thế giới đang chững lại khi mà số ca mắc bệnh COVID-19 tăng vọt. Chỉ số niềm tin tiêu dùng ở Hoa Kỳ đã giảm do thu nhập cá nhân và chi tiêu giảm, trong khi doanh số bán nhà mới cũng giảm. Bộ Lao động Hoa Kỳ cho biết số đơn xin trợ cấp thất nghiệp ở nước này hiện vẫn ở mức cao và trong 6 tuần vừa qua có tới 4 tuần tăng. Tính đến ngày 5/12, các khoản trợ cấp của chính phủ đã tới tay khoảng 20,4 triệu người lao động bị mất việc làm. Trong khi đó, Bộ Thương mại Hoa Kỳ công bố số liệu cho thấy, trong tháng 11 vừa qua, thu nhập cá nhân đã giảm 11% trong tháng thứ hai liên tiếp khi chính phủ bắt đầu cắt giảm trợ cấp. Tổng chi tiêu cũng giảm 0,4% so với tháng 10, kéo theo đà lao dốc của doanh số bán lẻ. Tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến xấu, thu nhập giảm buộc những hộ gia đình có thu nhập thấp phải rút sạch tiết kiệm, cộng với thời tiết lạnh trong tháng vừa qua là những yếu tố khiến người tiêu dùng phải thắt chặt hầu bao. Trong tháng 11, doanh số bán nhà mới xây dành cho một hộ gia đình đã giảm 11% so với tháng trước. Tuy nhiên, địa ốc vẫn là một điểm sáng trong bức tranh toàn cảnh nền kinh tế Hoa Kỳ. Số liệu ghi nhận trong tháng vừa qua mặc dù thấp hơn dự báo của giới phân tích, nhưng vẫn cao hơn 20,8% so với một năm trước đó. Doanh số bán hàng ở Hoa Kỳ nhìn chung vẫn chịu tác động do giá cả tăng và thu nhập cá nhân giảm, kể cả khi lãi suất ngân hàng đang được áp dụng ở mức thấp kỷ lục. Theo dữ liệu của Đại học Michigan công bố ngày 23/12, chỉ số tâm lý tiêu dùng ở Hoa Kỳ trong tháng 12 là 80,7%, thấp hơn mức dự báo 81,4% đưa ra hồi đầu tháng. Ngân hàng Goldman Sachs dự báo năm 2021 kinh tế Hoa Kỳ sẽ tăng trưởng mạnh ở mức 5,3%. Tuy nhiên, năm 2021 sẽ có nhiều đoạn gập ghềnh đó là số ca nhiễm mới tăng cao những tuần gần đây, khiến ca tử vong tăng. Nên các bang tại Hoa Kỳ sẽ phải đóng cửa qua mùa đông. Kinh tế chỉ bắt đầu hồi phục, khi vaccine Covid-19 được triển khai trên diện rộng.

Hải quan và Bảo vệ Biên giới Hoa Kỳ (CBP) Hoa Kỳ cho biết đã cấm nhập khẩu dầu cọ từ nhà sản xuất Malaysia Sime Darby Plantation từ do cáo buộc lao động cưỡng bức trong quá trình sản xuất. Sime Darby, công ty dầu cọ lớn nhất thế giới tính theo quy mô đất đai và được coi là công ty dẫn đầu về dầu cọ sản xuất bền vững.

Chính phủ Hoa Kỳ hôm thứ Tư cho biết họ sẽ tăng thuế đối với một số sản phẩm của Liên minh châu Âu, bao gồm các bộ phận máy bay và rượu vang từ Pháp và Đức, bước ngoặt mới nhất trong cuộc chiến kéo dài 16 năm về trợ cấp máy bay giữa Washington và Brussels.

Tổng thống Trump đã ký đạo luật vào ngày 27 tháng 12 sẽ cung cấp hơn 900 tỷ đô la hỗ trợ cho các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế Hoa Kỳ để giúp giảm bớt cú sốc từ đại dịch COVID-19 vẫn đang hoành hành trên toàn cầu. Gói mở rộng cũng

bao gồm một số luật quan trọng khác sẽ giúp nông nghiệp Hoa Kỳ, bao gồm các điều khoản tổng hợp của dự luật trích lập tài chính 2021 bao gồm tài trợ cho các cơ quan USDA, Đạo luật Phát triển Tài nguyên Nước (WRDA) tài trợ cho cơ sở hạ tầng nước mặt như đập, và các dự án cấp nước phía Tây, và gia hạn một năm tín dụng thuế nhà sản xuất nhiên liệu sinh học thế hệ thứ hai trong phần gia hạn thuế của gói. Nhìn chung, đây là một trong những bộ luật lớn nhất trong lịch sử Hoa Kỳ, dài 5.593 trang.

Phần cứu trợ COVID của dự luật bao gồm 26 tỷ đô la chi tiêu cho nông nghiệp, được chia đều giữa các khoản tài trợ để hỗ trợ các chương trình dinh dưỡng trong nước như Chương trình Hỗ trợ Dinh dưỡng Bổ sung (SNAP), Chương trình Hỗ trợ Thực phẩm Khẩn cấp (TEFAP) và chương trình EBT Đại dịch, và phần còn lại hỗ trợ hầu hết các mặt của sản xuất nông nghiệp bằng các khoản thanh toán trực tiếp và mở rộng các chương trình mua hàng trực tiếp đối với một số loại thực phẩm và nông sản. Vào cuối tháng 10 năm 2020, tổ chức cứu trợ nạn đói Feeding America dự đoán rằng 54 triệu người Hoa Kỳ thường xuyên không có đủ thức ăn để ăn, tăng 46% kể từ khi bắt đầu đại dịch vào tháng Ba. Ước tính này bao gồm ít nhất 17 triệu trẻ em. Gói cứu trợ COVID-19 vừa được ban hành bao gồm việc tăng giá trị trợ cấp SNAP trong sáu tháng lên 15% cho những người nhận hiện tại.

Bất chấp dự báo của USDA vào đầu tháng 12 rằng thu nhập ròng từ trang trại của Hoa Kỳ sẽ đạt 119 tỷ đô la vào năm 2020, cao hơn nhiều so với mức trung bình 2000-2019 khi được điều chỉnh theo lạm phát, nông dân sẽ nhận được 13 tỷ đô la thanh toán mới theo luật này, mặc dù phần này được nhắm mục tiêu nhiều hơn thanh toán cho nông nghiệp theo các hóa đơn cứu trợ COVID trước đây. Nông dân trồng cây hàng loạt sẽ nhận được khoản thanh toán cố định 20 đô la cho mỗi mẫu Anh cho tất cả các loại cây trồng, tổng trị giá khoảng 5 tỷ đô la, và những người chăn nuôi đã phải 'tiêu hủy' đàn của họ khi các nhà máy đóng gói thịt đóng cửa hoặc hoạt động với công suất giảm trong mùa xuân sẽ nhận được một số khoản bồi thường. Các khoản thanh toán cũng sẽ được thực hiện cho những người trồng gia súc và gia cầm theo hợp đồng không được hưởng lợi từ các gói cứu trợ trước đó.

Các nhà sản xuất cây trồng đặc sản sẽ được hưởng lợi từ việc phân bổ 1,5 tỷ USD để mua hàng hóa nông nghiệp để phân phối qua các cửa hàng như ngân hàng thực phẩm, mặc dù 300 triệu USD trong số đó sẽ được chuyển cho Bộ Thương mại để xử lý việc mua các sản phẩm thủy sản. Một điều khoản riêng phân bổ 400 triệu đô la cho việc mua các sản phẩm sữa. USDA sẽ được cấp thêm 100 triệu đô la để phân phối cho các tiểu bang theo Chương trình tài trợ cho khôi phục cây trồng đặc biệt, giúp tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu và xúc tiến cho các loại cây trồng đó, để giúp ngành

điều chỉnh theo thực tế COVID-19. Đối với lĩnh vực lâm nghiệp, 200 triệu đô la sẽ được cung cấp cho các công ty khai thác và vận chuyển gỗ.

Ngoài ra, dự luật cung cấp 60 triệu đô la tài trợ cho các cơ sở đóng gói thịt vừa và nhỏ để giúp họ hiện đại hóa cơ sở vật chất và quy trình để đủ điều kiện kiểm tra thịt liên bang, và 20 triệu đô la hàng năm cho Dịch vụ Nghiên cứu Nông nghiệp để giải quyết những lỗ hổng trong nghiên cứu dinh dưỡng tại “giao điểm quan trọng của nông nghiệp đáp ứng, sản xuất thực phẩm chất lượng, dinh dưỡng và sức khỏe con người.” Dự luật cũng hỗ trợ sức khỏe tâm thần của nông dân bằng cách bao gồm 28 triệu đô la tài trợ của khối nhà nước để hỗ trợ quản lý căng thẳng của nông dân và chủ trang trại do COVID-19.

Về tình hình xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ: Hoa Kỳ vẫn là đối tác hàng đầu của Việt Nam trong xuất khẩu NLTS. Xuất khẩu NLTS Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 11/2020 tiếp tục xu hướng giảm của những tháng trước đó, xuất khẩu đạt 842 triệu USD, giảm 5,07% so với tháng trước với tháng trước nhưng tăng 32,98% so với cùng kỳ năm 2019. Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ là gỗ và sản phẩm gỗ (chiếm 69%), thủy sản (chiếm 13%), hạt điều (6%), các sản phẩm khác như mây tre đan, sản phẩm từ cao su, cà phê (khoảng 2%). So với tháng 10/2020, một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng, nhiều nhất là thịt và các sản phẩm thịt tăng 150%, cao su tăng 71%, tiếp đến là gạo tăng 20%, trong khi nhiều mặt hàng giảm, tuy u, nhiên mức giảm không nhiều, giảm sâu nhất là chè ở mức 17%. Các mặt hàng như thủy sản, hạt tiêu, hạt điều giảm từ 12- 16%. So với cùng kỳ, thức ăn gia súc và nguyên liệu tăng cao nhất, tăng 72%, tiếp đến là cao su, sản phẩm từ cao su tăng 62%, gỗ và sản phẩm gỗ tăng 48%. Chỉ có 3 mặt hàng giảm so với cùng kỳ là cà phê giảm 40%, hạt điều giảm 14%, chè giảm 6%(chi tiết tại phụ lục).

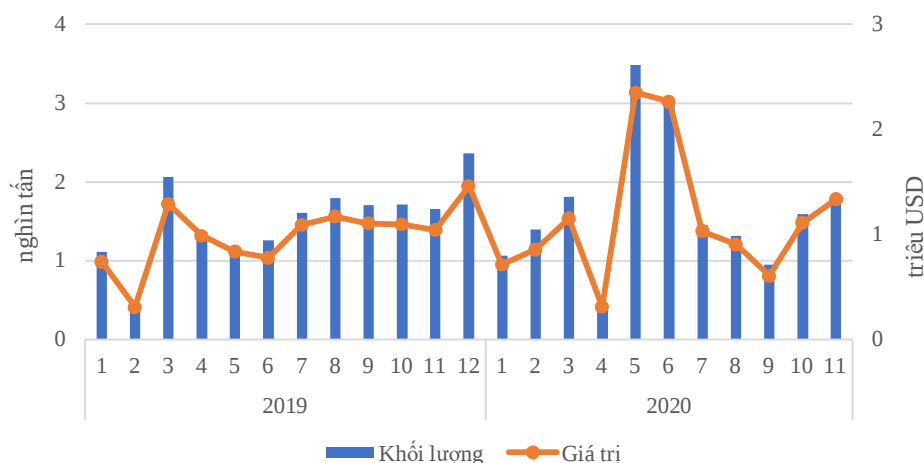
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 12/2020 của USDA, sản lượng gạo của Hoa Kỳ trong năm 2020 vẫn được báo là sẽ sụt giảm hơn 1,24 triệu tấn, từ 7,11 triệu tấn của năm 2019 xuống còn 5,86 triệu tấn. Nguyên nhân chính là do lượng mưa nhiều ở miền Nam đã ảnh hưởng lớn đến diện tích và năng suất lúa. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của Hoa Kỳ ước đạt 1,19 triệu tấn, tăng 204 nghìn tấn so với năm ngoái.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 11/2020, Việt Nam xuất khẩu được 1,8 nghìn tấn gạo, trị giá 1,3 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, tăng 12,6% về khối lượng và 20,1% về giá trị so với tháng 10/2020, và 8,1% về khối lượng và 28,2% về giá trị so với cùng kỳ 2019. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 11 tháng đầu năm 2020 đạt 18,1 nghìn tấn, trị giá 12,5 triệu USD, tăng 14,6% về khối lượng và 20,4% về giá trị so với cùng kỳ 2019.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ



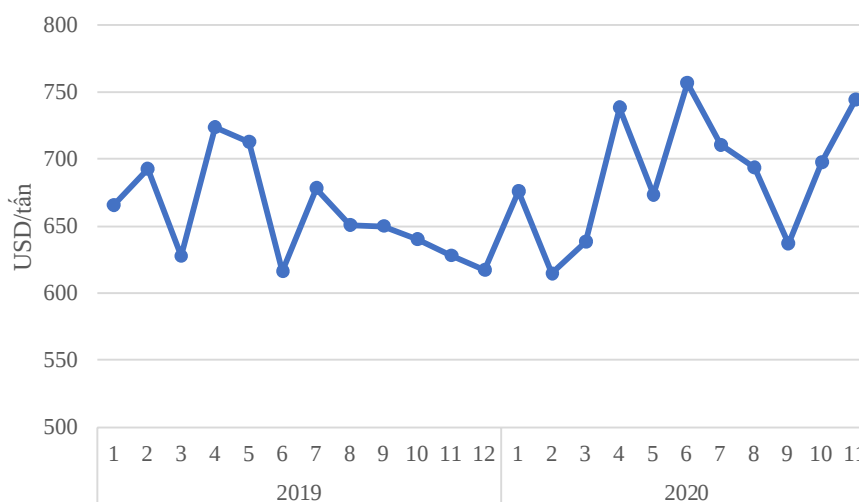
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2020, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 1,2 nghìn tấn, trị giá 974,1 nghìn USD (chiếm 68,5% về khối lượng và 73,0% về giá trị); so với tháng 11/2019, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã tăng 5,8% về khối lượng và 20,4% về giá trị. Đứng thứ hai là gạo trắng đạt 0,5 nghìn tấn, trị giá 273,9 nghìn USD (chiếm 27,1% về khối lượng và 20,5% về giá trị); so với

tháng 11/2019, xuất khẩu gạo trắng sang Hoa Kỳ đã tăng 8,0% về khối lượng và 40,3% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 11/2020 đạt 744,5 USD/tấn, tăng 6,7% so với tháng 10/2020 và 18,5% so với cùng kỳ năm 2019.

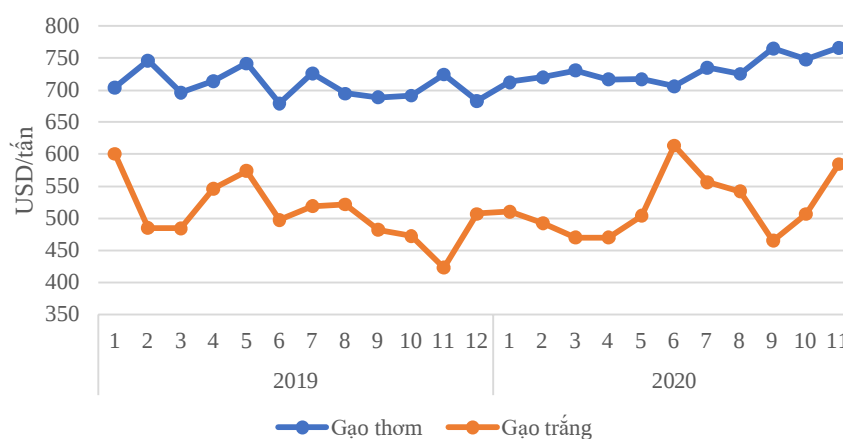
Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá các loại gạo chính xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đều có xu hướng tăng trong tháng. Cụ thể, giá xuất khẩu gạo thơm tháng 11/2020 đạt trung bình 766,3 USD/tấn, tăng 2,4% so với tháng 10/2020 và 5,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Còn giá gạo trắng đạt 584,6 USD/tấn, tăng 15,4% so với tháng trước và 38,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ

Trong tháng 11/2020, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty CP Phước Đạt, Chi nhánh Long An - Công ty TNHH Highland Dragon và Công ty CP Soharice. Ba công ty này chiếm lần lượt 27,5%, 27,2% và 17,6% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 11/2020. So với cùng kỳ năm 2019, kim ngạch xuất khẩu của các công ty này ước tính tăng trưởng như sau: Công ty CP Phước Đạt tăng 104,0% kim ngạch, Chi nhánh Long An - Công ty TNHH Highland Dragon tăng 9,1%, Công ty CP Soharice tăng 159,9%.

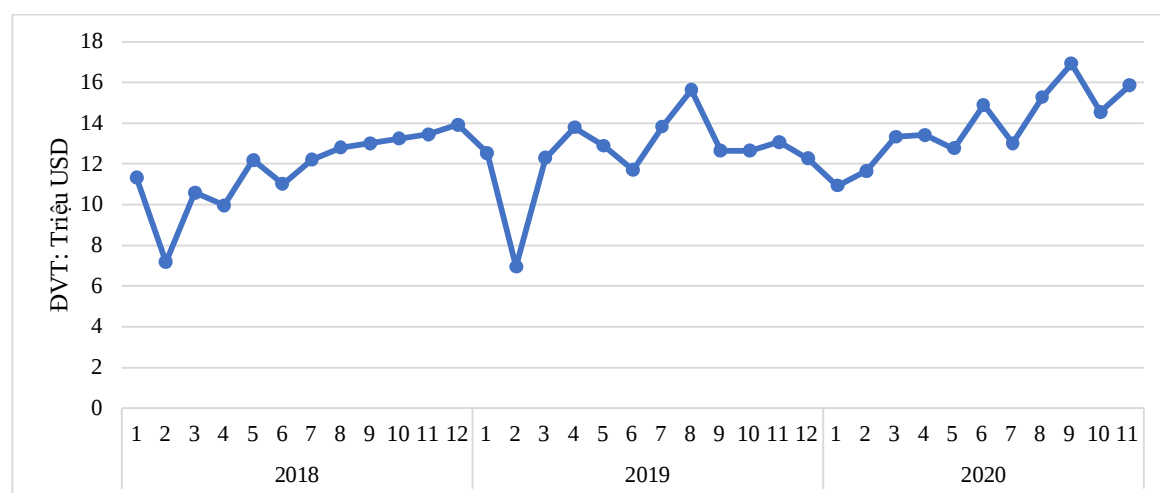
2. RAU QUẢ

Nguồn cam trong nước của Hoa Kỳ hiện rất tốt do đang vào vụ thu hoạch. Nguồn cam hiện tại hầu hết đến từ California, Texas và Florida và một số lượng nhỏ nhập khẩu từ Mexico. Nhu cầu về cam khá ổn định và người trồng cam ở California cũng chuẩn bị đóng gói hàng xuất khẩu. Tuy nhiên, các thương nhân nhận định rằng các nhà bán buôn và lĩnh vực dịch vụ ăn uống vẫn e ngại khi đặt hàng. Giá cả hiện đang cao hơn một chút so với cùng kỳ năm ngoái do chi phí vận chuyển hàng hóa nội địa tăng lên nhưng ổn định.

Bất chấp ảnh hưởng của cơn bão Laura và Delta xảy ra vào tháng 8, người sản xuất khoai lang tại Hoa Kỳ vẫn có một mùa vụ tốt về sản lượng cũng như kích thước củ. Nhu cầu vẫn ở mức hợp lý, bởi mặc dù nhu cầu từ lĩnh vực ăn uống không còn nhưng nhu cầu từ lĩnh vực bán lẻ vẫn tốt và ổn định.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 11 năm 2020 đạt 15,9 triệu USD, chiếm 6,1% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, tăng 9% so với tháng trước (đạt 14,6 triệu USD) và tăng 21,4% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 13,1 triệu USD). Tính chung 11 tháng đầu năm 2020, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hoa Kỳ đạt 152,5 triệu USD, tăng 10,8% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 137,7 triệu USD).

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ



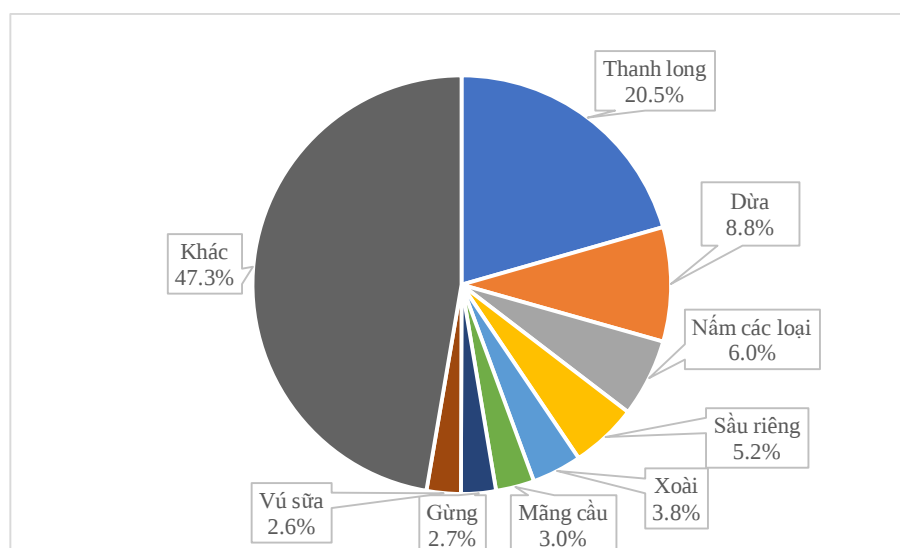
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 11 năm 2020, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 8,3 triệu USD (chiếm 52,2% thị phần, tăng 9,9% so với cùng kỳ năm 2019) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 7,6 triệu USD

(chiếm 47,8% thị phần, tăng 37%), trong đó: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 2,3 triệu USD (tăng 32,1% so với cùng kỳ năm trước); (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 2 triệu USD (tăng 186,6%); (iii) trái cây ngâm, cô đặc, mút, dẻo (mã HS.2007) đạt 1,3 triệu USD (tăng 27,8%); (iv) nấm chế biến (mã HS.2003) đạt 907,8 nghìn USD (tăng 30,3%); (v) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 642,1 nghìn USD (giảm 40,1%); ...

Trong tháng 11 năm 2020, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm thanh long đạt 3,3 triệu USD (chiếm 20,5% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm 2019); dưa đạt 1,4 triệu USD (chiếm 8,8%, tăng 18,4%); nấm các loại đạt 952,6 nghìn USD (chiếm 6%, tăng 32,8%); sấu riêng đạt 816,8 triệu USD (chiếm 5,1%, tăng 240%); xoài đạt 606,7 nghìn USD (chiếm 3,8%, tăng 54,5%); măng cầu đạt 471,1 triệu USD (chiếm 3%, tăng 38,1%), ...

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 11 năm 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

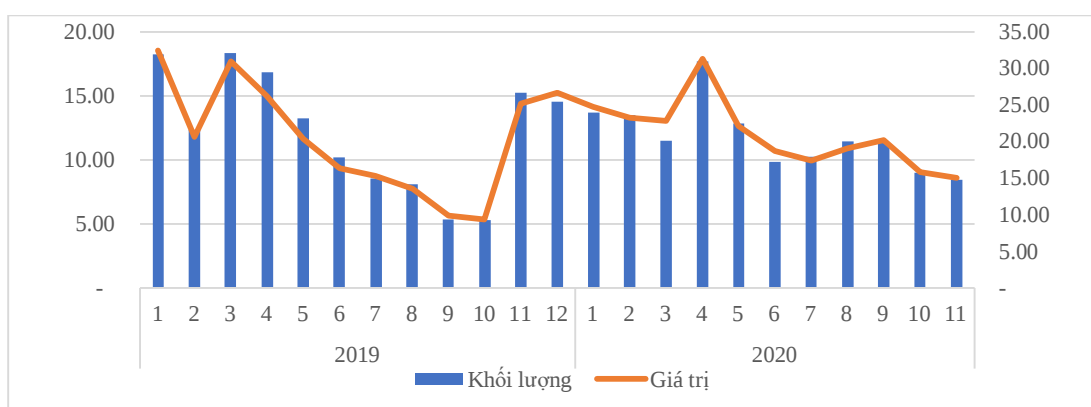
Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 11 năm 2020 đạt 25,8 triệu USD, chiếm 22,8% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, giảm 8,6% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 28,2 triệu USD). Tính chung 11 tháng đầu năm 2020, giá trị nhập khẩu rau quả từ Hoa Kỳ đạt 267,8 triệu USD, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 261,7 triệu USD). Trong tháng 11/2020, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là nho đạt 8,7 triệu USD (chiếm 33,6%, giảm 2,7% so với cùng kỳ năm 2019); hạnh nhân đạt 6 triệu USD (chiếm 23,4%, tăng 67,6%); táo đạt 5,8 triệu USD (chiếm 22,6%, tăng 61,7%); khoai tây đạt 1,5 triệu USD (chiếm 5,6%, giảm 34,3%); ...

Trong tháng 11/2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II, Công ty CP rau quả thực phẩm An Giang và Công ty TNHH Quốc Thảo Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II tăng 16,9%, Công ty CP rau quả thực phẩm An Giang tăng 170,3% và Công ty TNHH Quốc Thảo cao gấp 28 lần năm 2019.

3. CÀ PHÊ

Trái ngược với xu hướng gia tăng nhập khẩu cà phê vào dịp cuối năm như mọi năm, thị trường cà phê tại thị trường Hoa Kỳ cuối năm 2020 ảm đạm. Tính riêng tháng 11/2020, Việt Nam xuất khẩu 8,4 nghìn tấn cà phê sang Hoa Kỳ, giá trị 15,1 triệu USD, giảm 44,5% về khối lượng và giảm 39,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. So với tháng 10/2020, xuất khẩu đã giảm 5,9% về khối lượng và giảm 4,4% về giá trị. Tính chung 11 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cà phê sang thị trường này đạt 129,5 nghìn tấn và đạt 230,7 triệu USD, giảm 1,7% về khối lượng nhưng tăng 4,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ

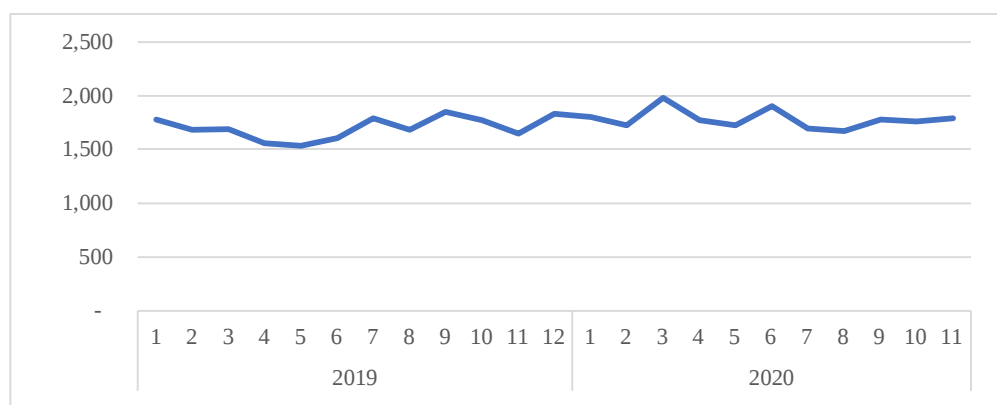


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, cà phê nhân thô chưa rang, chưa khử caffein (mã HS 090111) chiếm 86% tổng khối lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam vào Hoa Kỳ, đồng thời chiếm 74,7% tổng kim ngạch nhập khẩu cà phê loại này trong tháng. Tính riêng 11 tháng đầu năm 2020, lượng nhập khẩu đạt 129,5 nghìn tấn, giá trị 231,1 triệu USD, giảm 1,3% về khối lượng nhưng tăng 4,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Các loại cà phê khác ghi nhận sự tăng trưởng nhập khẩu tại thị trường Hoa Kỳ. Cụ thể, cà phê đã rang, chưa khử caffein (mã HS 090121) tăng 34,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019; cà phê chưa rang, đã khử caffein (mã HS 090112), cà phê đã rang, đã khử caffein (mã HS 090122) lần lượt tăng 16,8% và 171,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Cà phê hòa tan và tinh chất (mã HS 2101) cũng tăng 33,9% về khối lượng và tăng 42,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Sản phẩm cà phê chế biến sâu tiếp tục tăng trưởng khi liên tiếp gia tăng khối lượng và kim ngạch xuất khẩu trong thời gian gần đây. So với tháng 10/2020, cà phê hòa tan và tinh chất đã tăng 32,7% về khối lượng và tăng 42,1% về giá trị.

Tháng 11/2020, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ là 1.789 USD/tấn, tăng 1,6% so với tháng 10/2020 và tăng 8,4% so với tháng 11/2019. Tính chung 11 tháng đầu năm 2020, giá cà phê xuất khẩu tại Hoa Kỳ tăng 5,9% so với cùng kỳ năm 2019, mức giá bình quân đạt 1.783 USD/tấn. Giá cà phê tăng một phần do chi phí tăng cao trong thời gian qua. Chi phí vận tải đường biển bằng container trên toàn cầu đang tăng lên mức kỷ lục do nhu cầu đột biến các tuyến đi Hoa Kỳ, tình trạng thiếu container rỗng cũng xuất hiện và sự thay đổi tuyến đường vận chuyển, trong khi vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không vẫn chưa được khai thông do dịch Covid-19. Dự báo giá cà phê sẽ tiếp tục xu hướng tăng khi nhu cầu tiêu dùng tại nhà vẫn còn rất lớn và có thể còn kéo dài trong thời gian tới.

Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ

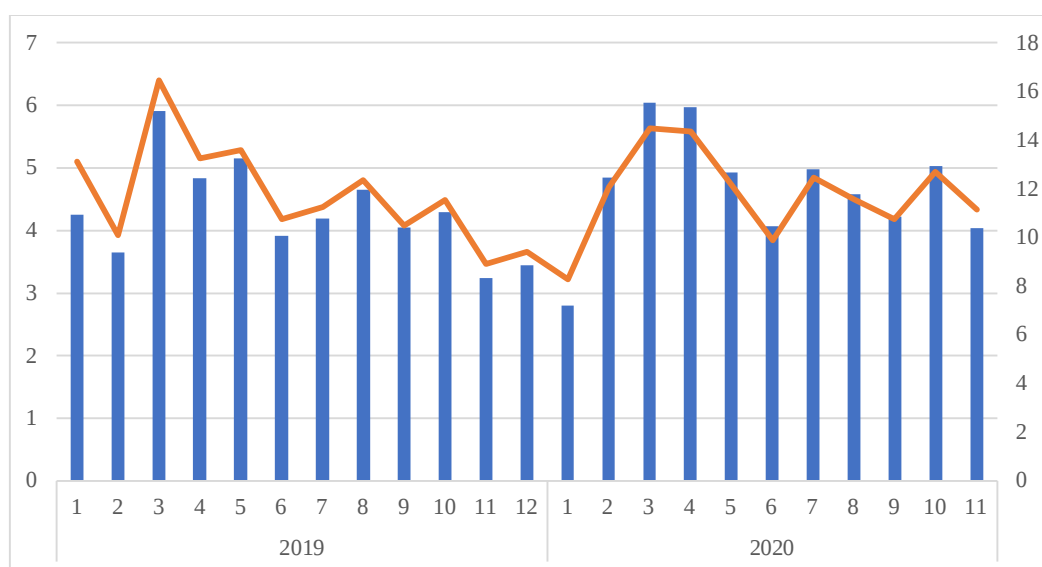


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. HỒ TIÊU

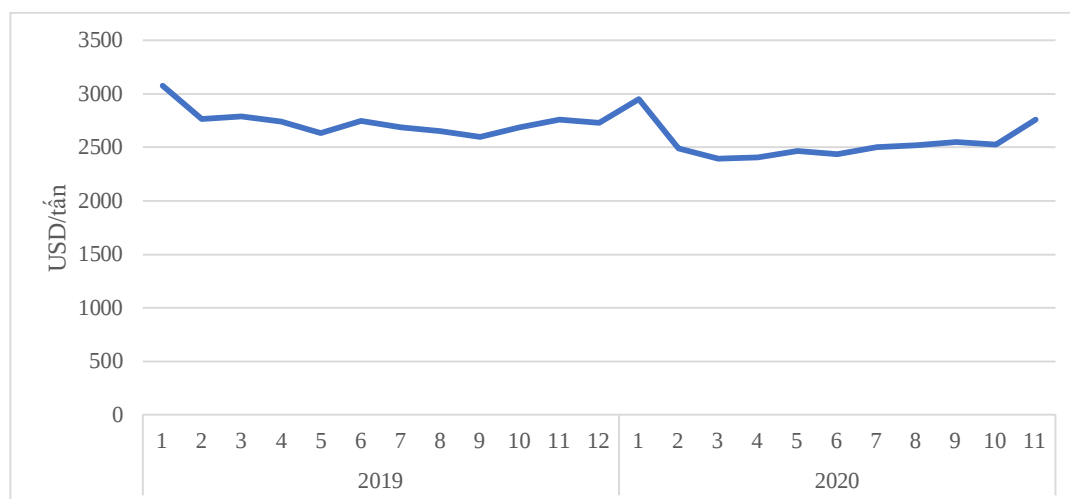
Trong tháng 11, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ giảm cả về lượng và giá trị so với tháng trước. Cụ thể, xuất khẩu đạt 4 nghìn tấn tương đương 11,1 triệu USD, giảm 20% về lượng và 12% về giá trị so với tháng 10 năm 2020. Tuy nhiên so với cùng kỳ năm ngoái thì xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ vẫn có sự tăng trưởng vượt bậc, khi tăng 25% về lượng và 25% về giá trị. Nhìn chung, bất chấp tác động của dịch Covid-19 tại Hoa Kỳ thì xuất khẩu tiêu 11 tháng đầu năm 2020 đạt 51,4 nghìn tấn, tương đương 129,8 triệu USD tăng 7% về lượng nhưng giảm 1% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 8: Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ, 2019-2020



Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Giá xuất khẩu hồ tiêu sang Hoa Kỳ bình quân tháng 11 năm 2020 ước đạt 2759 USD/tấn, tăng 9% so với tháng 10 năm 2020 và tương đương so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên do bị tác động của giá hạt tiêu toàn cầu giảm mạnh trước đó nên bình quân 11 tháng đầu năm 2020, giá xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ chỉ đạt 2.546 USD/tấn, giảm 7% so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 9: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hoa Kỳ (USD/tấn)

Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

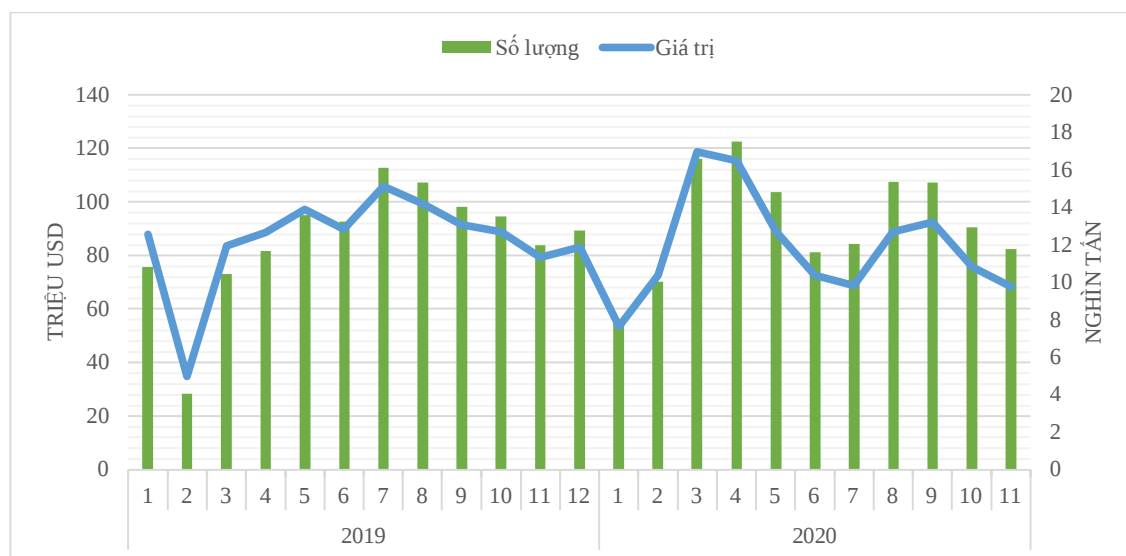
Trong 9 tháng đầu năm 2020, Việt Nam vẫn là nước xuất khẩu tiêu nhiều nhất sang Hoa Kỳ, tuy nhiên thị phần hạt tiêu của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ lại giảm 9,3% so với cùng kỳ năm 2019. Ngược lại, Hoa Kỳ tăng mạnh nhập khẩu hạt tiêu từ một số thị trường như Bra-xin, In-đô-nê-xi-a, Tây Ban Nha. Thị phần hạt tiêu của Bra-xin trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ chiếm 18,7% trong 9 tháng năm 2020, tăng mạnh 43,5% so với cùng kỳ năm ngoái.

5. HẠT ĐIỀU

Xuất khẩu điều nhân sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 11/2020 có xu hướng chững lại, chỉ đạt 11,77 nghìn tấn, trị giá 68,32 triệu USD, giảm 9% về khối lượng và giảm 10% về giá trị so với tháng 10/2020, so với cùng kỳ năm 2019, giá trị xuất khẩu sang thị trường này đã giảm 14%. Xuất khẩu sang thị trường này tương đối trầm lắng một phần do khó khăn trong việc vận chuyển hàng hóa bằng đường biển, đường bộ do đại dịch Covid -19 gây ra. Hiện nay các nhà nhập khẩu và các nhà rang chiên, siêu thị đang tập trung vào việc lưu thông, vận chuyển hàng hóa đúng hạn và ổn định đến người tiêu dùng, vì trong tháng 11 lượng hàng hoá được vận chuyển tới Hoa Kỳ tăng vọt cũng đang gây ra tình trạng tắc nghẽn tại các cảng khu vực Vịnh Mexico của Hoa Kỳ, khiến quá trình bốc dỡ hàng bị kéo dài. Bên cạnh đó, sự thiếu hụt container cũng khiến hoạt động vận chuyển trở nên căng thẳng hơn, nhiều nhà xuất khẩu Hoa Kỳ khiếu nại họ bị các hãng tàu nước ngoài từ chối vận chuyển hàng xuất khẩu vì ưu tiên xoay vòng container rỗng trở về Châu Á để vận chuyển hàng hóa Trung Quốc do cước phí vận chuyển tại các tuyến này ở mức cao.

Giá trị xuất khẩu điều nhân của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ trong 11 tháng đầu năm giảm nhẹ, đạt 916,04 triệu USD, giảm 3% so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 10: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ



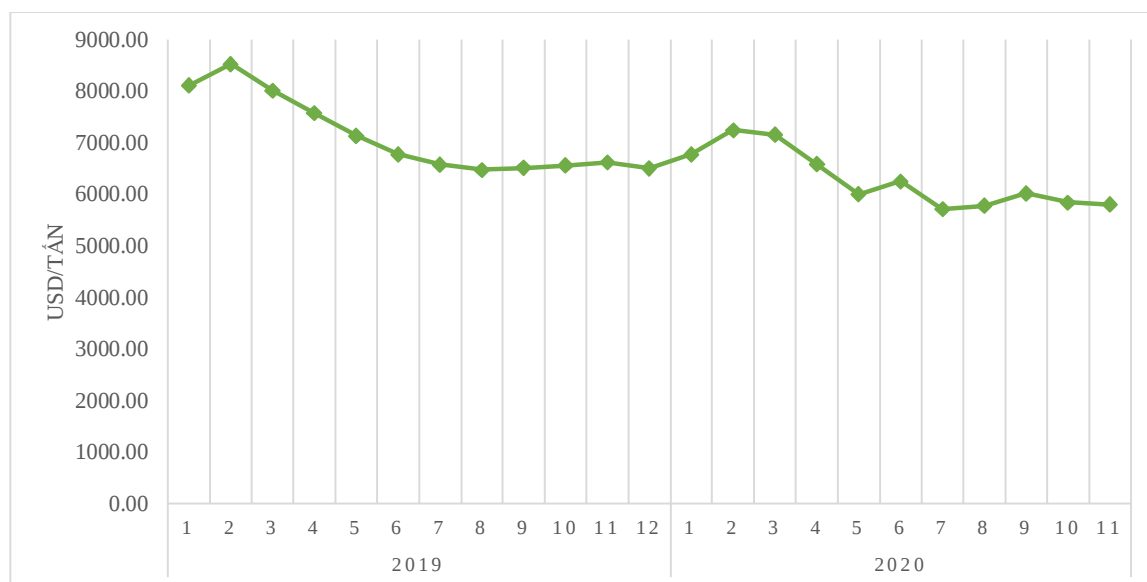
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2020 giá xuất khẩu điều nhân trung bình sang thị trường Hoa Kỳ đạt 5.806 USD/tấn, giảm 1% so với tháng 10/2020 và giảm 12% so với cùng kỳ năm 2019. Trong 11 tháng đầu năm 2020, giá xuất khẩu bình quân điều nhân ước đạt 6.293 USD/tấn, giảm 12% so với cùng kỳ năm 2019.

Giá nhập khẩu bình quân hạt điều của Hoa Kỳ trong 10 tháng năm 2020 đạt mức 6.570 USD/tấn, giảm 14,7% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân hạt điều của Hoa Kỳ giảm ở tất cả các nguồn cung. Mức giảm thấp nhất là 3,0% từ Thái Lan, xuống còn 10.488 USD/tấn; mức giảm cao nhất là 27,4% từ Bờ Biển Ngà, xuống còn 6.108 USD/tấn.

Giá giao dịch điều nhân (FOB HCM) đang giao động ở mức 6.283 đến 7.054 USD/tấn đối với mã W320, tùy từng nhà máy, mã W240 ở mức 7.385 đến 7.826 USD/tấn.

Hình 11: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong thời gian ngắn hạn, không có yếu tố nào có khả năng làm giảm nhu cầu với điều nhân ở Hoa Kỳ. Việc phong tỏa và làm việc từ xa đang được triển khai lại một cách tự nguyện hoặc theo quyết định của các cơ quan có thẩm quyền sẽ tiếp tục thúc đẩy việc tiêu thụ các loại hạt và đồ ăn vặt tại nhà.

6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Theo Reuters, trong tuần cuối tháng 12, sản lượng lợn xuất khẩu của Hoa Kỳ ổn định ở mức 2,776 triệu con, xấp xỉ mức của tuần trước đó là 2,772 triệu con. Hiện tại lượng lợn giết mổ đang giảm do ảnh hưởng của dịch coronavirus. Giá lợn con trong tuần giữa tháng 12 đã tăng 2 USD, lên 55,83 USD/lb, tương đương với mức giá cùng kỳ năm trước, điều này cho thấy sự phục hồi sau 4 tháng dịch bệnh từ tháng 4 đến tháng 8/2020, khi giá lợn trung bình từ 40 USD/lb xuống dưới 20 USD/lb. Hiện rất nhiều chuồng trại bỏ trống đang tìm mua lợn. USDA nhận định nguồn cung lợn của Hoa Kỳ năm 2021 sẽ tăng. Giá thịt lợn xẻ tại Hoa Kỳ trung bình ở mức 79,71 USD/lb, trong khi giá lợn hơi trung bình khoảng 65,45 USD/lb. Ước tính lượng giết mổ trong tuần qua khoảng 500.000 - 800.000 con và dự kiến sẽ tăng trong những tuần tới.

Theo USDA, trong Quý IV năm 2020, sản lượng thịt bò đã giảm 15 triệu pound (~6.804 tấn), đưa mức dự báo tổng sản lượng thịt bò của Hoa Kỳ trong năm nay lên 27,2 tỷ pound (~12,25 triệu tấn). Mặc dù tổng lượng bò giết mổ vẫn có thể thấp hơn so với cùng kỳ năm trước. Nhập khẩu thịt bò trong tháng 10 của Hoa Kỳ đã tăng 4%, tương đương tăng 9 triệu pound (~4.082 tấn) so với năm ngoái, đạt tổng cộng là 250 triệu pound (~113,4 nghìn tấn). Đây cũng là tháng thứ 5 liên tiếp Hoa Kỳ có mức nhập khẩu cao hơn so với cùng kỳ. Đứng đầu thị trường cung cấp thịt bò cho Hoa Kỳ trong tháng 10 là Brazil, nhiều hơn 17 triệu pound (~7.711 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, thịt bò từ New Zealand cũng có mức tăng 10,6 triệu pound (~4.808 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Một số thị trường khác cũng tăng xuất khẩu vào Hoa Kỳ trong tháng 10 là Canada, Uruguay và Argentina. Trong khi đó, các thị trường khác như Úc, Mexico, và Nicaragua đã giảm nhẹ trong tháng 10.

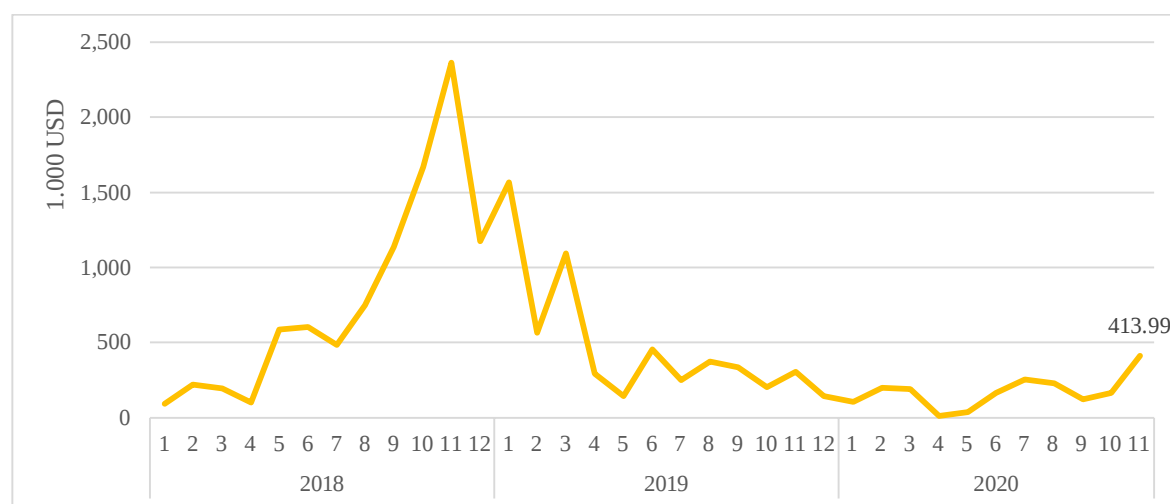
Xuất khẩu thịt bò của Hoa Kỳ trong tháng 10 đạt 258,3 triệu pound, tăng 4%, tương đương 9,5 triệu pound (~4.309 tấn) so với một năm trước. Sự tăng trưởng này chủ yếu do lượng nhập khẩu thịt bò Hoa Kỳ của Trung Quốc đạt mức kỷ lục, chiếm gần 8% tổng lượng xuất khẩu thịt bò của Hoa Kỳ. Tương tự, thị trường Nhật Bản, thị trường xuất khẩu thịt bò lớn nhất của Hoa Kỳ, cũng tăng 4,7 triệu pound so với cùng kỳ năm 2019. Ngược lại, xuất khẩu thịt bò Hoa Kỳ sang Mexico tiếp tục giảm, và các đơn hàng đi Canada, Hong Kong cũng thấp hơn trong tháng 10.

Sản lượng thịt gà trong tháng 10 được báo cáo thấp hơn so với dự kiến, ước tính đạt khoảng 3,8 tỷ pound (~1,726 triệu tấn). Trong khi đó, khối lượng xuất khẩu thịt gà đạt kỷ lục mới với 700 triệu pound (~317,5 nghìn tấn) trong tháng 10, đưa dự

báo tổng lượng xuất khẩu thịt gà cả năm 2020 đạt 7.359 triệu pound (~3,34 triệu tấn). Các thị trường xuất khẩu nhiều nhất là Trung Quốc, đạt mức kỷ lục 99 triệu pound, Cuba và Mexico lần lượt là 26 triệu pound (~ 11,8 nghìn tấn) và 14 triệu pound (~6,35 nghìn tấn).

Giá trị xuất khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam vào Hoa Kỳ tháng 11 năm 2020 đạt 413,99 nghìn USD, chiếm 4% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 149,7% so với tháng trước và tăng 33,4% so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung cả 11 tháng đầu năm 2020, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt sang thị trường này đạt 1,91 triệu USD, giảm 65,9% so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 12: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11 năm 2020, chỉ có 5 doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ, gồm công ty liên doanh nuôi và phát triển khí Việt Nam, công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Hải sản Minh Phương, công ty TNHH Dịch vụ Thương mại An Khôi, Công ty TNHH Thương mại Thương Tín, và 2 doanh nghiệp tư nhân khác. Các sản phẩm xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ chủ yếu là động vật sống khác và đùi ếch đông lạnh, v.v.

Giá trị nhập khẩu thịt và sản phẩm thịt từ thị trường Hoa Kỳ tháng 11/2020 đạt 19,84 triệu USD, chiếm 10,2% tổng nhập khẩu các sản phẩm thịt của cả nước, giảm 21,5% so với tháng trước và giảm 27,4% so với cùng kỳ năm 2019. Cụ thể, nhập khẩu nhiều nhất là thịt lợn đông lạnh, đạt 8,05 triệu USD, chiếm 40,6%, tăng 9% so với tháng trước; các sản phẩm gồm gà đông lạnh, đạt 7,31 triệu USD, chiếm 36,8%; thịt bò đông lạnh đạt 2,7 triệu USD; Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của lợn, bò đạt 1,23 triệu USD.

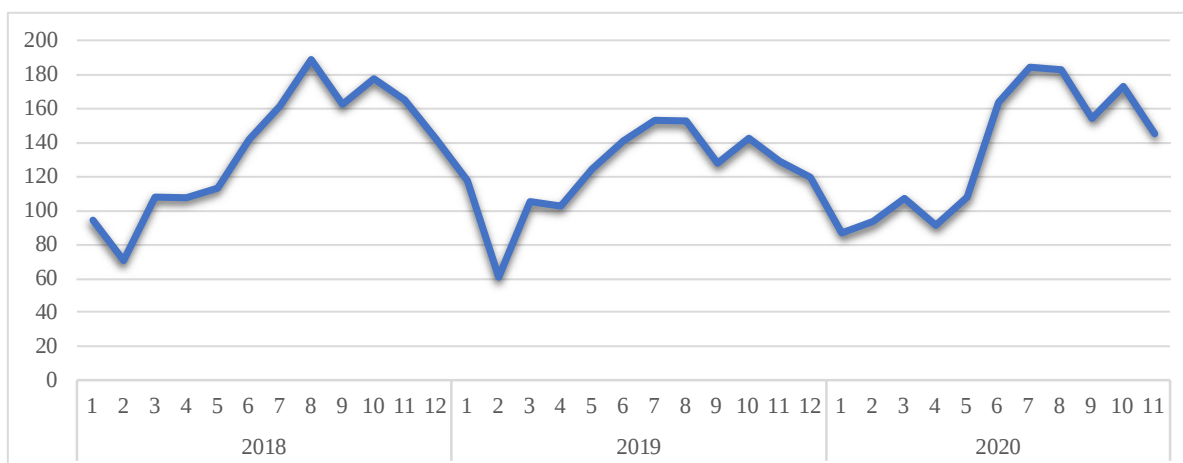
7. THỦY SẢN

Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) dự báo tiêu thụ thủy sản toàn cầu sẽ đạt mức 21,5 kg/người vào năm 2030. Theo báo cáo “Thực trạng khai thác và Nuôi trồng thủy sản thế giới 2020 - SOFIA 2020”, năm 2017 thủy sản chiếm 17% lượng tiêu thụ protein động vật của thế giới và 7% tổng lượng tiêu thụ protein. FAO dự báo, đến năm 2030 tiêu thụ thủy sản thế giới sẽ tăng 18% (28 triệu tấn) so với năm 2018. Trong đó khoảng 71% lượng thủy sản làm thực phẩm trong năm 2030 (khoảng 183 triệu tấn) sẽ được tiêu thụ ở Châu Á, trong khi Châu Đại Dương và Châu Hoa Kỳ Latinh tiêu thụ ít hơn. Tổng lượng tiêu thụ thủy sản làm thức ăn dự kiến sẽ tăng ở tất cả các khu vực và tiểu vùng trong năm 2030 so với năm 2018, với tốc độ tăng trưởng dự kiến sẽ cao hơn: Châu Hoa Kỳ Latinh tăng 33%, Châu Phi tăng 27%, Châu Đại Dương tăng 22% và Châu Á tăng 19%.

Theo Viện Nghiên cứu quốc tế khí hậu và xã hội Hoa Kỳ (IRI), doanh thu bán lẻ hải sản tươi sống của nước này tháng 11/2020 tăng 25,3% so với tháng 11/2019, lên 447 triệu USD; doanh thu thủy sản đông lạnh tháng 11/2020 cũng tăng gần 29%, lên 468 triệu USD, khối lượng cũng tăng 24,2%.

Theo Hội nghị trực tuyến về Khai thác và Nuôi trồng thủy sản bền vững ở Hoa Kỳ Latinh, những người tiêu dùng muốn tiêu thụ thủy sản nhiều hơn và muốn mua các sản phẩm thủy sản khác đa dạng hơn hiện tại. Tôm là loài được ưa chuộng nhất ở Hoa Kỳ, tiếp đến là cá hồi, bạch tuộc và cá ngừ. Dịch Covid 19 cũng tác động lớn đến cách tiêu dùng của người Hoa Kỳ, các sản phẩm đã được chế biến như hun khói, sấy và ướp lạnh và các sản phẩm sơ chế được người tiêu dùng sử dụng nhiều hơn. Do đó, để vượt qua để kích thích tiêu dùng nhất là trong bối cảnh covid như thế này các nhà cung cấp cần đa dạng hóa sản phẩm và thay đổi theo thị yếu của người tiêu dùng hiện tại.

Theo tổng cục hải quan, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất trong tháng 11/2020, đạt 144,97 triệu USD, tăng 12,64% so với tháng 11/2019. Tính chung 11 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu thủy sản sang Hoa Kỳ đạt 1,49 tỷ USD, tăng 9,82% so với cùng kỳ năm 2019. Thị trường Hoa Kỳ là thị trường lớn duy nhất vẫn giữ được mức độ tăng trưởng tốt. Trong đó, Tôm và cá ngừ là 2 mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất: tôm chiếm 50,01%; cá ngừ chiếm 24,91%.

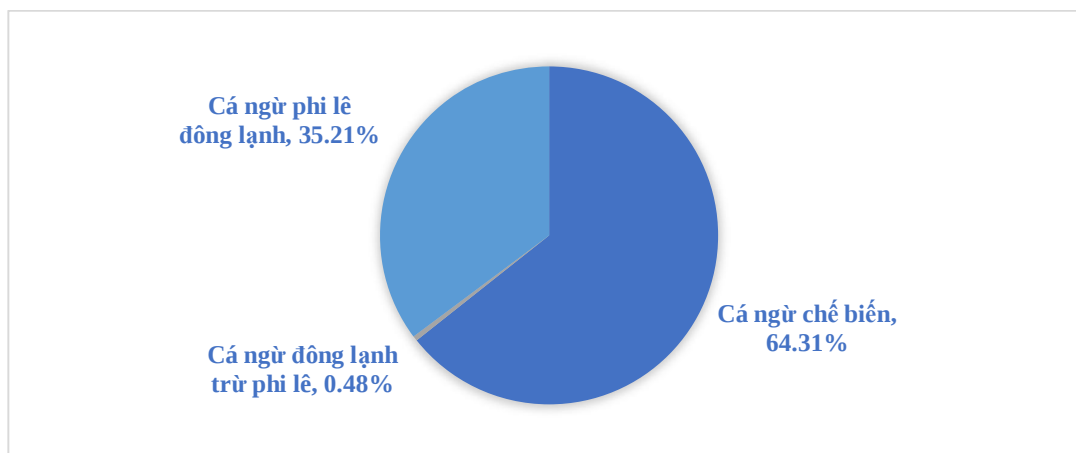
Hình 13: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm tháng 11/2020 đạt 72,51 triệu USD tăng 36,94% so với cùng kỳ năm 2019, đưa giá trị xuất khẩu tôm 11 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 770,25 triệu USD, tăng 28,29%. Tôm thẻ chân trắng là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất ở thị trường này. Cụ thể, tính riêng tháng 11/2020, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng đạt 40,03 triệu USD, chiếm 92,04% tổng giá trị tôm xuất khẩu, tăng 49,66% so với cùng kỳ năm 2019; giá trị xuất khẩu tôm sú đạt 4,09 triệu USD, chiếm 5,64%, giảm 46,22%; giá trị xuất khẩu tôm loại khác đạt 1,68 triệu USD, chiếm 2,32%, tăng 122,75% so với cùng kỳ năm 2019.

Mặt hàng cá tra, giá trị xuất khẩu tháng 11 năm 2020 đạt 20,87 triệu USD, giảm 18,76% so với cùng kỳ năm 2019, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu cá tra 11 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 217,75 triệu USD, giảm 15,76% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng tháng 11/2020, giá trị xuất khẩu cá tra sống/tươi/đông lạnh/ khô trừ phi-lê đạt 0,31 triệu USD, tăng 12,47% so với cùng kỳ năm 2019; Cá tra phi-lê đạt 20,50 triệu USD, giảm 18,64%.

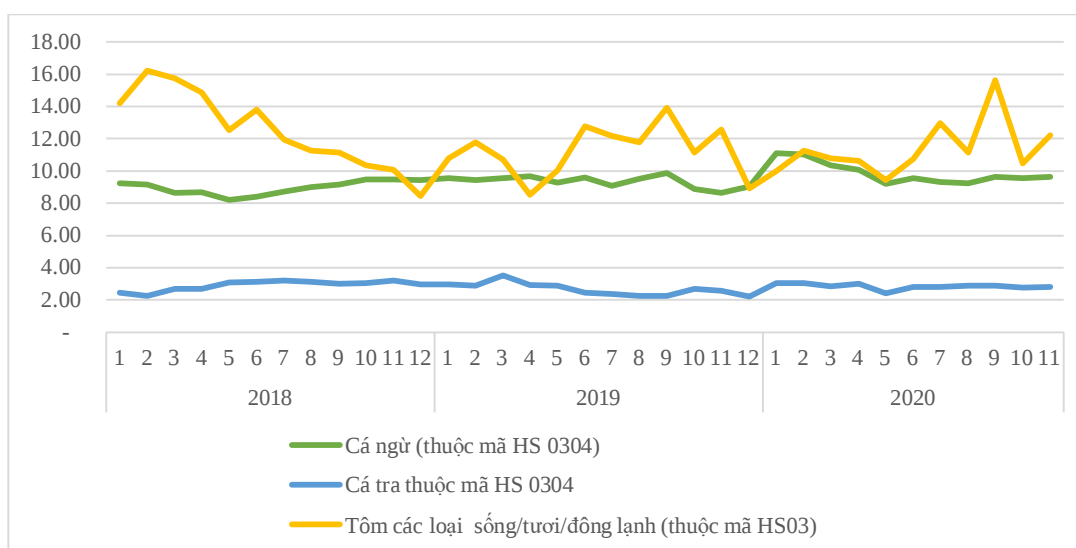
Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu cá ngừ lớn nhất của Việt Nam, trong 11 tháng đầu năm giá trị xuất khẩu đạt 260,03 triệu USD, giảm 13,12% so với cùng kỳ năm 2019. Tính riêng tháng 11/2020, giá trị xuất khẩu cá ngừ đạt 24,91 triệu USD, giảm 16,79% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị xuất khẩu cá ngừ phi lê đạt 8,77 triệu USD, giảm 32,70% so với cùng kỳ năm 2019; giá trị xuất khẩu cá ngừ tươi, sống đông lạnh trừ phi lê đạt 0,12 triệu USD, giảm 37,70%; cá ngừ chế biến đạt 16,02 triệu USD, giảm 4,15%.

Hình 14: Cơ cấu xuất khẩu cá ngừ sang thị trường Hoa Kỳ tháng 11/2020

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ như sau: Mực và bạch tuộc đạt 1,08 triệu USD, tăng 17,34%; Cua – ghẹ đạt 5,93 triệu USD, tăng 2,88 lần; Các loại thủy sản khác đạt 19,67 triệu USD, tăng 17,70% so với cùng kỳ 2019.

Giá xuất khẩu cá ngừ (thuộc mã HS 0304) tháng 10/2020 đạt trung bình 9,65 USD/kg, tăng 11,82% so với cùng kỳ năm 2019. Giá cá tra (thuộc mã HS 0304) đạt trung bình 2,82 USD/kg, tăng 10,06%; Tôm các loại (thuộc mã HS03) đạt 12,24 USD/kg, giảm 2,56%.

Hình 15: Giá một số mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 11 năm 2020, Top 3 công ty có giá trị xuất khẩu lớn sang thị trường Hoa Kỳ là: Công ty cổ phần thủy sản Sóc Trăng đạt 19,68 triệu USD, chiếm 13,59% tổng

kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn đạt 10,72 triệu USD, chiếm 7,40%; Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông đạt 6,37 triệu USD chiếm 4,39%.

8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ chính của Việt Nam, giá trị xuất khẩu vào thị trường này chiếm 59,5% tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn ngành trong 11 tháng đầu năm 2020.

Giá trị xuất khẩu gỗ & SP gỗ của Việt Nam vào Hoa Kỳ tiếp tục đạt mức cao trong tháng 11/2020, kim ngạch xuất khẩu gỗ & SP gỗ của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 11 đạt khoảng 794,4 triệu USD (tăng 47,5% so với cùng kỳ năm 2019) nâng tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ & SP gỗ vào thị trường này lên 6,37 tỷ USD, tăng gần 34,4% so với 11 tháng năm 2019.

Một số sản phẩm chứng kiến sự tăng về giá trị xuất khẩu trong 11 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 như: Đồ gỗ nội, ngoại thất (tăng hơn 1,81 triệu USD tương đương 44,6%); Gỗ xây dựng, ván gỗ (tăng khoảng 52,4 triệu USD tương đương 50,7%); Gỗ dán (tăng khoảng 35,2 triệu USD tương đương 15,1%); Sản phẩm bằng gỗ khác (tăng 17,5 triệu USD, tương đương 163,3%); Ván sợi (tăng khoảng 9,1 triệu USD tương đương 92,7%); Gỗ xẻ (tăng 3,8 triệu USD tương đương với hơn 11 lần); Thùng gỗ, thùng baren (tăng 2,0 triệu USD, tương đương tăng 142,2%)...

Ngược lại, một số sản phẩm giảm về giá trị xuất khẩu trong 11 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm trước như: Gỗ gia cường (giảm hơn 5,7 triệu USD, tương đương giảm 37,9%); Gỗ khung tranh, ảnh (giảm gần 5,0 triệu USD, tương đương giảm 34,2% so với cùng kỳ năm 2019);

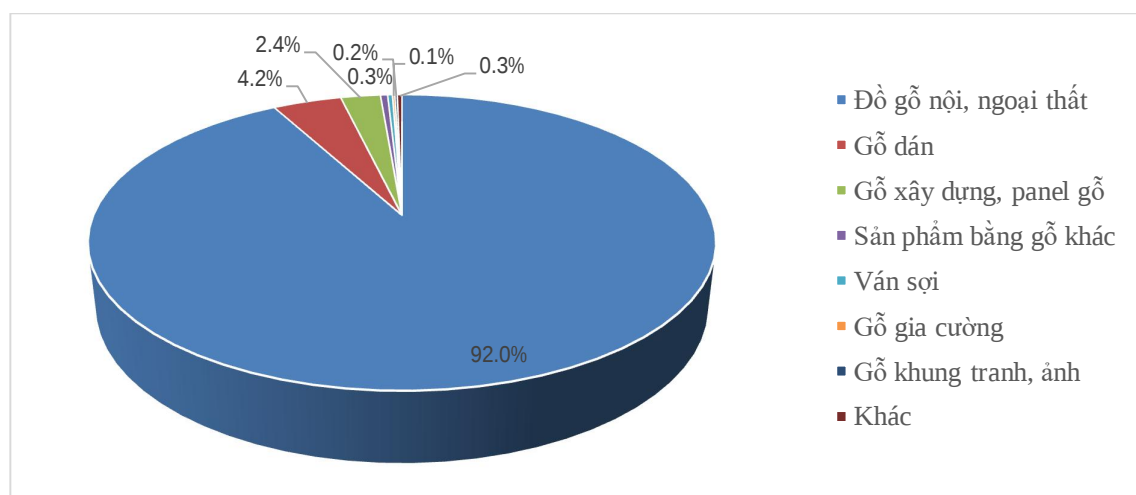
Biểu đồ 1. Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu các mặt hàng: Xuất khẩu gỗ & SP gỗ của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong 11 tháng đầu năm 2020 chủ yếu là đồ gỗ nội thất (ghế có khung gỗ, nội thất văn phòng, nội thất phòng bếp, nội thất phòng ngủ, nội thất bằng gỗ khác, bộ phận đồ gỗ) chiếm khoảng 92,0% tổng kim ngạch xuất khẩu. Tiếp đến là gỗ dán (chiếm 4,2% tổng kim ngạch) và gỗ xây dựng, ván gỗ (chiếm 2,4% tổng kim ngạch), còn lại là các mặt hàng khác.

Biểu đồ 2. Cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu vào Hoa Kỳ 11 tháng đầu năm 2020

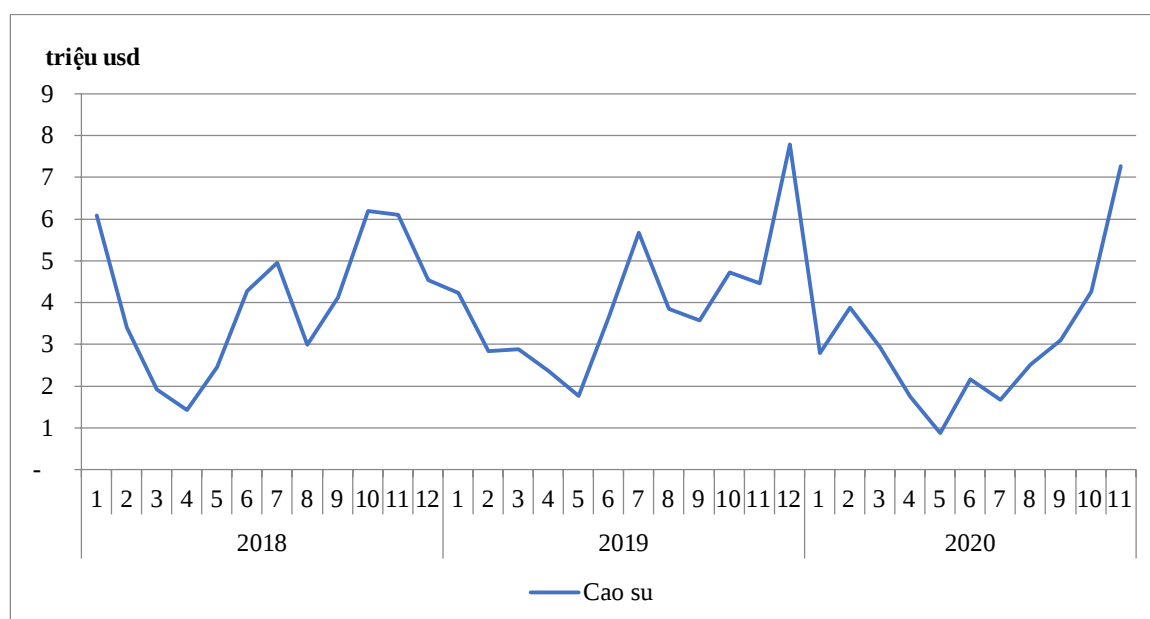


Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

9. CAO SU

Fed ngày 16/12 đưa ra dự báo tóm tắt trong đó cho rằng tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Hoa Kỳ năm 2020 chỉ giảm 2,4% so với năm 2019. Con số này có sự cải thiện lớn so với mức dự báo giảm 3,7% mà Fed đưa ra hồi tháng 9. Bên cạnh đó, Fed nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Hoa Kỳ năm 2021 lên 4,2%, từ mức tăng 4% đưa ra trong lần dự báo trước. Về lạm phát, Fed cho rằng tỷ lệ thất nghiệp của Hoa Kỳ sẽ giảm về 6,7% vào cuối năm 2020, thấp hơn nhiều so với mức 7,6% đưa ra trong lần dự báo vào tháng 9. Trong 2021, Fed dự báo tỷ lệ thất nghiệp tại nước này giảm còn 5%, so với mức 5,5% trong dự báo trước.

Hình 16: Giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang Hoa Kỳ

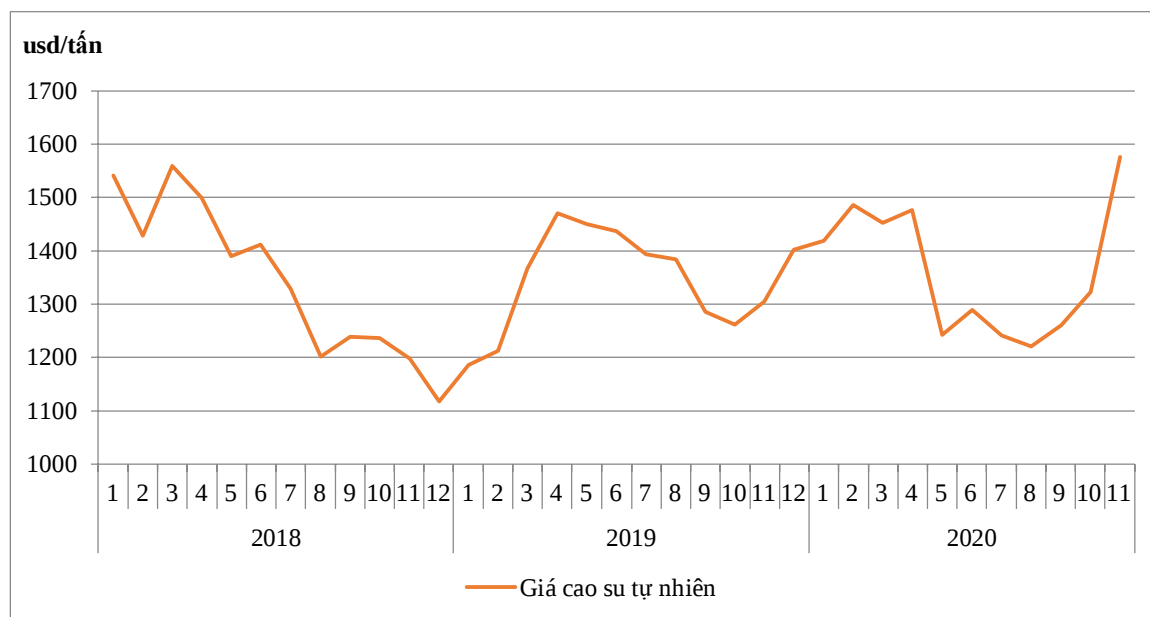


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Thời tiết xấu ảnh hưởng đến nguồn cung tại Thái Lan, Malaysia hay Ấn Độ. Trong khi đó, nhu cầu cao su cho công nghiệp trên thế giới đang rất lớn. Bắc Hoa Kỳ là khu vực tiêu thụ găng tay cao su lớn nhất thế giới. Thị trường của khu vực này được định hướng và dẫn đầu bởi Hoa Kỳ. Tại Malaysia, sự bùng phát của đại dịch Covid-19 khiến quốc gia này nhận ra tiềm năng của găng tay cao su và vật tư y tế. Họ đã tăng cường dự trữ để đối phó với những đợt bùng phát tương tự trong tương lai. Trong khi đó, Bắc Hoa Kỳ đang đẩy mạnh tiêu thụ cao su ở các lĩnh vực khác nhau và mở rộng mối quan hệ với Malaysia cũng như các nước châu Âu. Nhu cầu tăng mạnh sẽ giúp khu vực này duy trì vị trí dẫn đầu thị trường cao su cho đến năm 2026. Trước những diễn biến có lợi cho ngành cao su, Việt Nam - nước sản xuất cao su thiên nhiên

hàng đầu thế giới có cơ hội để mở rộng xuất khẩu. Trong tháng 11/2020, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 4.615 tấn, trị giá 7,27 triệu USD, tăng 43,10% về lượng và tăng 70,51% về giá trị so với tháng 10/2020; so với cùng kỳ năm 2019 tăng 34,82% về lượng và 62,89% về giá trị. Tuy nhiên, lũy kế 11 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cao su tự nhiên của Việt Nam sang Hoa Kỳ khoảng 21,73 nghìn tấn, trị giá 33,22 triệu USD, giảm 28,10% về lượng và giảm 17,07% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 17: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu bình quân sang Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cây cao su ở Đông Nam Á đã bị ảnh hưởng bởi bệnh sâu hại, một bệnh nấm gây rụng lá bất thường. Trong khi đó, sản xuất ở Thái Lan bị ảnh hưởng do những hạn chế mới liên quan đến vi rút Covid-19 (cản trở những công nhân khai thác cao su từ Lào và Myanmar đến Thái Lan), đã ảnh hưởng đến sản lượng cao su toàn cầu. Theo dữ liệu từ Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC), sản lượng cao su toàn cầu giảm 8,7% xuống 7,78 triệu tấn trong tháng 1-8/2020. Hiệp hội dự kiến sản lượng cả năm 2020 sẽ giảm 6,8%, chỉ đạt 12,90 triệu tấn. Sản lượng giảm, trong khi Trung Quốc đang mua mạnh đã đẩy giá cao su tăng lên. Trong tháng 11/2020, giá cao su tự nhiên xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ bình quân khoảng 1.575 USD/tấn, tăng 19,15% so với tháng 10/2020 và tăng 20,81% so với cùng kỳ năm 2019.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Vào tháng 11-12/2020, do chuẩn bị cho dịp lễ Giáng sinh và Năm mới, nên nhu cầu tiêu dùng thực phẩm trên thị trường nội địa Hoa Kỳ có sự tăng trưởng. Đặc biệt với xu hướng tăng tiêu dùng các loại gạo thơm Châu Á trong thời gian gần đây, việc xuất khẩu các loại gạo của Việt Nam, đặc biệt là gạo thơm, đã có sự tăng trưởng rất tốt. Dự báo nhu cầu này sẽ tăng cho đến hết tháng 12/2020 và chững nhẹ trong những tháng đầu năm 2021, trước khi tăng dần trở lại vào cuối Quý I/2021.

2. Cà phê

Theo báo cáo mới nhất của Hiệp hội Cà phê hạt Hoa Kỳ (GCA), đến hết tháng 11/2020, tồn kho khả dụng tại các kho cảng vùng Bắc Hoa Kỳ là 348,4 nghìn tấn, mức thấp nhất trong 5 năm qua. Trung bình mỗi 4 tuần, thị trường Bắc Hoa Kỳ (bao gồm cả Canada) sẽ tiêu thụ khoảng 144 nghìn tấn cà phê. Do đó, tồn kho đang giảm xuống quá nhanh sẽ thúc đẩy lượng xuất khẩu tăng lên, thị trường có nhiều tín hiệu lạc quan.

Vụ cà phê năm nay của Việt Nam bị mất mùa và thu hoạch trễ hơn so với các năm trước nên chưa tạo áp lực lên thị trường. Theo đó, vụ mùa năm nay, kỹ thuật thu hái và phơi sấy sau thu hoạch đã được quan tâm nhiều hơn, tạo động lực đẩy giá cà phê đi lên.

3. Hồ tiêu

Hiện Hoa Kỳ vẫn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn do làn sóng Covid thứ 3 gây ra nên mặc dù đang trong thời điểm mùa lễ hội tuy nhiên nhu cầu tiêu thụ hạt tiêu của Hoa Kỳ trong các chuỗi nhà hàng khác sạn cũng không thể tăng cao. Dự báo xuất khẩu tiêu sang Hoa Kỳ trong ngắn hạn sẽ trầm lắng. Trong khi đó, thời điểm giáp Tết Nguyên Đán cũng là lúc Việt Nam bước vào vụ thu hoạch nên giá tiêu xuất khẩu nhiều khả năng sẽ giảm xuống.

4. Điều

Xuất khẩu điều nhân sang thị trường Hoa Kỳ sẽ có thể sẽ giảm nhẹ trong thời gian do sự khó khăn trong lưu thông hàng hóa. Bên cạnh đó, giá điều nhân dự báo sẽ vững giá, vì lượng cung điều nhân ở Việt Nam không còn nhiều và giá mua điều thô vẫn đang rất cao không cân đối được với giá điều nhân, nên các nhà chế biến rất thận trọng trong việc nhập điều thô.

5. Cao su

Trong báo cáo mới nhất vừa công bố giữa tháng 10, ANRPC đã nâng dự báo tiêu thụ cao su toàn cầu năm 2020 thêm 67.000 tấn lên 12,611 triệu tấn, mặc dù con số đó vẫn thấp hơn 8,4% so với năm 2019. Lý do điều chỉnh tăng bởi nhận định lạc quan hơn về thị trường Trung Quốc sau những số liệu kinh tế mới công bố gần đây.

Triển vọng xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Hoa Kỳ phụ thuộc rất lớn vào hiệu quả kiểm soát dịch Covid-19 và tốc độ phục hồi kinh tế của quốc gia này. Các công ty sản xuất ô tô của Hoa Kỳ vẫn chưa bù đắp được sản lượng sụt giảm sau khoảng hai tháng ngừng hoạt động do dịch Covid-19. Việc phải ngừng hoạt động đã làm giảm lượng ô tô trữ kho khoảng 3,3 triệu xe và đình trệ kế hoạch sản xuất cho năm 2021.

6. Thủy sản

Theo VASEP, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ năm 2020 đạt 1,65 tỷ USD, tăng 12% so với năm 2019. Tôm vẫn là mặt hàng xuất khẩu chủ lực trong xuất khẩu sang thị trường này. Mặc dù, nhu cầu của thị trường này giảm trong phân khúc dịch vụ thực phẩm nhưng nhu cầu nhập khẩu tôm của thị trường này năm 2020 vẫn tăng trưởng dương để phục vụ phân khúc bán lẻ. Trên thị trường Hoa Kỳ, tôm Việt Nam có lợi thế cạnh tranh hơn so với các nguồn cung đối thủ như Ấn Độ, Thái Lan, Trung Quốc. Ấn Độ-nguồn cung tôm lớn nhất cho Hoa Kỳ, từ đầu năm tới nay, vẫn gặp phải nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19 và thời tiết không thuận lợi.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp xuất khẩu cần chú ý đến thị yếu tiêu dùng đang có sự thay đổi lớn ở thị trường này. Doanh nghiệp xuất khẩu cần đa dạng hóa sản phẩm (nhất là sản phẩm đã qua chế biến) và chất lượng sản phẩm để chiếm lĩnh thêm thị phần. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần chú ý nguồn cung thủy sản trong nước để hạn chế sự thiếu hụt.

Trong báo cáo của Bộ Công Thương gửi lên Thủ tướng Chính phủ dự báo, tình trạng thiếu tàu biển và thiếu container có thể kéo dài đến tháng 2-3/2021. Thậm chí việc dịch COVID-19 chưa được kiểm soát, vẫn tiếp tục lây lan trên thế giới nhiều khả năng tình trạng này còn kéo dài hơn. Do đó, Doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản cần lên kế hoạch và kịch bản ứng phó nhằm hạn chế tối thiểu sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng và giảm thiểu tối đa sụt giảm xuất khẩu của mỗi doanh nghiệp và tổng kim ngạch của toàn ngành trong thời gian tới.

7. Gỗ và các sản phẩm từ gỗ

Như vậy, trong năm 2020 xuất khẩu gỗ & SP gỗ của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ đã đạt mức tăng trưởng tốt (tăng 34,4% so với năm 2019), kết quả này thể

hiện sự nỗ lực của toàn ngành, đặc biệt của các doanh nghiệp xuất khẩu đồ gỗ. Ngành gỗ Việt Nam đã tận dụng tốt các cơ hội từ thị trường như: nhu cầu đồ gỗ nội thất tăng khi dịch bệnh xảy ra người dân có xu hướng làm việc tại nhà, chiến tranh thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc nổ ra, các sản phẩm đồ gỗ của Trung Quốc bị áp thuế cao, cùng với đó là quá trình kiểm soát dịch bệnh tốt, giúp Việt Nam giảm thiểu được các tác động xấu đến sản xuất trong nước.

Tuy vậy, năm 2020 ngành gỗ phải đối mặt với các rủi ro từ thị trường Hoa Kỳ, khi Hoa Kỳ đưa ra cáo buộc Việt Nam thao túng tiền tệ để làm lợi cho xuất khẩu và có tình trạng chưa thực thi nghiêm các chính sách liên quan đến nhập khẩu và sử dụng gỗ bất hợp pháp cho chế biến hoặc thương mại theo Mục 301 của Đạo luật Thương mại 1974.

Trong thời gian tới, để duy trì những kết quả đạt được, tránh các rủi ro áp thuế từ Hoa Kỳ, ngành gỗ Việt Nam sẽ cần tiếp tục chuẩn bị tốt các thông tin, báo cáo để giải trình, phản biện các cáo buộc từ phía Hoa Kỳ, đồng thời chủ động tích cực thực thi các chính sách nhằm đảm bảo nguồn gốc gỗ hợp pháp, hướng đến phát triển bền vững (nhập khẩu sản phẩm của các nước có nguồn gốc gỗ rõ ràng, phát triển các vùng nguyên liệu trong nước).

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 11/2020

STT	Sản phẩm	Tháng 11/ 2020 (USD)	Tăng /giảm so T10/2020	Tăng /giảm so T11/2019	Tỷ trọng
1	Cà phê	15,136,845	-4%	-40%	1.35%
2	Cao su	7,270,188	71%	63%	0.65%
3	Chè	394,832	-17%	-6%	0.04%
4	Gạo	1,334,899	20%	28%	0.12%
5	Gỗ và SP gỗ	794,402,255	-3%	48%	70.91%
6	Rau quả	15,862,145	9%	21%	1.42%
7	Thủy sản	144,969,638	-16%	13%	12.94%
8	Hạt điều	68,320,655	-10%	-14%	6.10%
9	Hạt tiêu	11,142,997	-12%	25%	0.99%
10	Mây tre đan	22,793,494	-7%	19%	2.03%
11	SP từ cao su	27,724,575	6%	62%	2.47%
12	TĂGS và nguyên liệu	10,519,236	-3%	72%	0.94%
13	Thịt và SP thịt	413,988	150%	33%	0.04%
Tổng XK NLTS		1,120,285,747	-5.07%	32.98%	100.00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 11/2020

T T	Loại sản phẩm	Tháng 11/2019		Tháng 11/2020		So sánh 2020/2019 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	1.161	809.597	1.228	974.127	5,8%	20,3%
2	Gạo trắng	451	195.272	486	273.865	8,0%	40,2%
3	Gạo Japonica	38	24.814	58	44.207	51,4%	78,2%
4	Các loại gạo khác	8	11.921	20	42.700	146,8%	258,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 11/2020

TT	Sản phẩm	Tháng 11/2019	Tháng 11/2020	So sánh
		(USD)	(USD)	T11.2020/T11.2019
	Tổng giá trị XK	13,068,768	15,862,145	21.4%
1	Thanh long	2,884,327	3,251,504	12.7%
2	Dừa	1,180,064	1,397,722	18.4%
3	Nấm các loại	717,276	952,608	32.8%
4	Sầu riêng	240,227	816,808	240.0%
5	Xoài	392,566	606,711	54.5%
6	Mãng cầu	341,204	471,108	38.1%
7	Gừng	165,024	426,754	158.6%
8	Vú sữa	418,352	415,440	-0.7%
9	Vải	11,204	34,570	208.6%
10	Chôm chôm	63,795	-	-100.0%
11	Nhãn	754,742	-	-100.0%
12	Khác	5,899,987	7,488,920	26.9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang Hoa Kỳ tháng 11/2020

TT	Sản phẩm	T11/2019	T11/2020	So sánh
		(USD)	(USD)	T11.2020/T11.2019 (%)
	Tổng giá trị xuất khẩu	310.261,5	413.988,0	33,4%
1	Động vật sống khác	145.266,0	248.707,5	71,2%
2	Đùi ếch đông lạnh	164.995,5	165.280,5	0,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 11 năm 2020

Loại sản phẩm	Tháng 11/2019	Tháng 11/2020	So sánh
	(USD)	(USD)	2020/19 (%)
Cá ngừ	128.704.182,00	144.969.638,00	12,64%
Cá tra	29.936.182,53	24.908.792,83	-16,79%
Cua - ghẹ	25.693.678,51	20.874.123,39	-18,76%
Mực và bạch tuộc	2.059.005,47	5.931.558,69	188,08%
Tôm sú	921.819,77	1.081.628,80	17,34%
Tôm thẻ chân trắng	7.598.485,24	4.086.789,47	-46,22%
Tôm loại khác	44.592.367,36	66.735.971,16	49,66%
Thủy sản khác	756.210,34	1.683.068,25	122,57%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm cao su sang thị trường Hoa Kỳ tháng 11 năm 2020

TT	Loại sản phẩm	Tháng 11/2019		Tháng 11/2020		So sánh 2020/2019 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Tổng xuất khẩu		21.611.790		34.994.763		61,92
	Cao su	3.423	4.463.359	4.615	7.270.188	34,82	62,89
	Sản phẩm cao su		17.148.431		27.724.575		61,67